

Số: 1758 /TB-BVT

Ninh Thuận, ngày 11 tháng 6 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2024

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Đề án số 1241/ĐA-BVT ngày 09 tháng 5 năm 2024 Bệnh viện đa khoa tỉnh về việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Kế hoạch số 1741/KH-BVT ngày 20/6/2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận về việc tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2024;

Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận thông báo về việc tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức y tế từ hạng IV lên hạng III năm 2024, cụ thể như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ

1. Đối tượng dự xét thăng hạng

Viên chức đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hạng IV theo quy định tại các Thông tư của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành đang làm việc tại đơn vị có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng nghề nghiệp viên chức.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự xét thăng hạng

Thực hiện theo Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

1. Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề

nghiệp viên chức hạng III trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp quy định cụ thể như sau:

- Thăng hạng lên bác sĩ hạng III: Điều 6, Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV; Khoản 5, 6 Điều 1 Thông tư 03/2022/TT-BYT.

- Thăng hạng lên điều dưỡng hạng III, hộ sinh hạng III, kỹ thuật y hạng III: Điều 5, Điều 8, Điều 11 Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV; Khoản 3, 4, 8, 9, 13, 14 Điều 3 Thông tư 03/2022/TT-BYT.

- Thăng hạng lên dược sĩ hạng III: Điều 6 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV; Khoản 5, 6 Điều 4 Thông tư 03/2022/TT-BYT.

- Thăng hạng lên Chuyên viên hạng III: Điều 7 Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021; Khoản 5, 6 Điều 1 Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022.

- Thăng hạng lên Kế toán viên hạng III: Điều 7 Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03/6/2022.

c) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, cụ thể như sau:

- Trình độ tin học: có khả năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (có chứng chỉ tin học trình độ A trở lên)

- Về trình độ ngoại ngữ: sử dụng được ngoại ngữ (có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B trở lên (một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc) hoặc chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ giáo dục và Đào tạo gồm: TOEFL PBT 400; TOEFL CBT 97; TOEFL ITP 400; TOEFL IBT 30; IELTS 3.0; TOEIC 350 trở lên).

- Có chứng chỉ hành nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu của từng chức danh nghề nghiệp dự xét.

d) Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.

+ Đối với chức danh Bác sĩ (hạng III): Có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

+ Đối với chức danh Điều dưỡng hạng III, Hộ sinh hạng III, Kỹ thuật y hạng III, Dược sĩ hạng III: Phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (12 tháng) giữ chức danh hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng.

+ Đối với chức danh kế toán viên: Phải đang giữ ngạch kế toán viên trung cấp và có thời gian giữ ngạch kế toán viên trung cấp hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc), trong đó phải có tối thiểu đủ 01 năm (12 tháng) liên tục giữ ngạch kế toán viên trung cấp tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng.

+ Đối với chức danh chuyên viên: Có thời gian giữ ngạch cán sự và tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch cán sự thì thời gian giữ ngạch cán sự tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng.

- Có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trình độ Cử nhân hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp dự xét tương ứng.

II. CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG: 82 chỉ tiêu

1. Bác sĩ hạng III	Mã số: V.08.01.03	04 chỉ tiêu
2. Điều dưỡng hạng III	Mã số: V.08.05.12	40 chỉ tiêu
3. Hộ sinh hạng III	Mã số: V.08.06.15	10 chỉ tiêu
4. Kỹ thuật y hạng III	Mã số: V.08.07.18	06 chỉ tiêu
5. Dược sĩ hạng III	Mã số: V.08.08.22	04 chỉ tiêu
6. Chuyên viên	Mã số: 01.003	03 chỉ tiêu
7. Kế toán viên	Mã số: 06.031	15 chỉ tiêu

III. HỒ SƠ, THỜI GIAN, NƠI NHẬN HỒ SƠ VÀ LỆ PHÍ

1. **Hồ sơ:** Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng của viên chức thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, bao gồm:

Hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 18 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ, bao gồm:

- Đơn đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;
- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.
- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (bác sĩ hạng III, điều dưỡng hạng III, kỹ thuật y hạng III, dược sĩ hạng III, chuyên viên, kế toán viên) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực; Trường hợp viên chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học;
- Bản sao các quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, Quyết định nâng bậc lương cuối cùng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.
- Phiếu khai thành tích trong hoạt động nghề nghiệp (2019-2023) để xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III.

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng được xếp theo đúng thứ tự kê trên và bỏ vào bì đựng có kích thước 250x340x5mm. Viên chức đăng ký xét thăng hạng chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính pháp lý, sự chuẩn xác của hồ sơ và các văn bản sao chụp. Khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, ứng viên có trách nhiệm cung cấp bản chính hoặc tài liệu gốc để đối chiếu.

2. Thời gian nhận hồ sơ: 30 ngày (từ 24/6/2024 đến 23/7/2024).

3. Nơi nhận hồ sơ xét thăng hạng: Phòng Tổ chức Cán bộ, Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận (đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Văn Hải, Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận). Số điện thoại: 0259. 3831798.

4. Lệ phí và nơi nộp lệ phí xét tuyển:

- Lệ phí: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng, công chức, viên chức

- Nơi nộp lệ phí: Phòng Tài chính Kế toán, Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận.

IV. HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG XÉT THĂNG HẠNG

- Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

- Cách tính điểm: Chấm điểm hồ sơ dựa trên tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ. *(Kèm phụ lục bảng điểm thẩm định hồ sơ)*

V. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG

- Xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên (Thể hiện tại bảng điểm), cụ thể:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận

+ Viên chức là nữ

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh)

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

VI. THÔNG TIN VỀ KỲ XÉT THĂNG HẠNG

Thông tin chi tiết liên quan đến kỳ xét thăng hạng viên chức y tế được đăng tải trên trang thông tin điện tử Bệnh viện đa khoa tỉnh và niêm yết tại Khu văn phòng Bệnh viện. Thí sinh cần trao đổi hoặc cần hướng dẫn, liên hệ về phòng Tổ chức cán bộ Bệnh viện đa khoa tỉnh, số điện thoại: 0259. 3831798 (trong giờ hành chính).

Trên đây là thông báo và tiếp nhận hồ sơ xét thăng hạng viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2024.

(Gửi kèm bảng điểm thẩm định hồ sơ thăng hạng viên chức)

Nơi nhận: *nh*

- Sở Y tế;
- Các khoa, phòng BV;
- Đăng trang thông tin điện tử BVT;
- Niêm yết tại BVT;
- Lưu: VT, TCCB. (3)

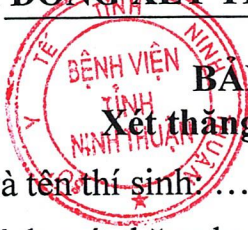
GIÁM ĐỐC



Lê Huy Thạch

1920
1921
1922
1923

BỆNH VIỆN TỈNH NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG



BẢNG THẨM ĐỊNH, CHẤM ĐIỂM HỒ SƠ
Xét thăng hạng viên chức hạng IV lên hạng III năm 2024

Họ và tên thí sinh: Hồ sơ số:

Vị trí dự xét thăng hạng:

Họ tên người chấm điểm:

* Số hồ sơ: theo thứ tự thời gian nộp hồ sơ.

TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm chấm
Thành tích khen thưởng 5 năm (2019 – 2023): Quyết định khen thưởng các cấp để tính điểm.		20 điểm	
1	Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh	5	
2	Bằng khen UBND tỉnh, Bộ Y tế năm công tác	5	
3	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở (1 điểm/năm)	5	
4	Giấy khen Sở Y tế năm công tác (1 điểm/năm)	5	
Thành tích đánh giá, xếp loại chất lượng (2019 – 2023): Bản nhận xét, đánh giá hàng năm của đơn vị để tính điểm.		20 điểm	
1	Số năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (4 điểm/năm)	20	
2	Số năm hoàn thành tốt nhiệm vụ (3 điểm/năm)	15	
3	Số năm hoàn thành nhiệm vụ (0 điểm/năm)	/	
Thành tích nghiên cứu khoa học 5 năm (2019 – 2023): Quyết định công nhận đề tài, sáng kiến cấp Sở để tính điểm.		20 điểm	
1	Tham gia NCKH, sáng kiến (4 điểm/đề tài)	20 điểm	
Giới tính (Lý lịch viên chức để tính điểm)		10 điểm	
1	Nữ	10 điểm	
2	Nam	08 điểm	
Dân tộc (Lý lịch viên chức để tính điểm)		10 điểm	
1	Dân tộc thiểu số	10 điểm	
2	Người kinh	08 điểm	
Tuổi (Lý lịch viên chức để tính điểm)		10 điểm	
1	Dưới 30 tuổi	04 điểm	
2	30 tuổi – 39 tuổi	06 điểm	
3	40 tuổi – 49 tuổi	08 điểm	
4	50 tuổi trở lên	10 điểm	

Thời gian công tác: Quyết định tuyển dụng, Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp để tính điểm.		10 điểm	
1	Từ 10 năm trở lên	10 điểm	
2	Trên 5 năm đến dưới 10 năm	08 điểm	
3	Trên 4 năm đến 5 năm	06 điểm	
4	Dưới 4 năm	04 điểm	
Tổng điểm:		100	

Người chấm điểm
(Họ tên, chữ ký)